TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO BẰNG** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 77a/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 23-07-2024
V/v Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hoàng Kim Chi

Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lã Văn Luật
2. Bà Vũ Kim Hoa

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Hoàng Thị Ngọc Hà là Thẩm tra viên Toà án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Ngày 23 tháng 7 năm 2024, Tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cao Bằng, Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 20/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2024 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 171/2024/QĐXXST-HNGĐ Ngày 04 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Chu Thị Minh T, sinh năm: 1976, có mặt.
Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ 02, phố c, phường Hợp G, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

- Bị đơn: Anh Hoàng Văn Q, sinh năm: 1974, vắng mặt.
Nơi ĐKHKTT: Tổ 01, phường Hợp G, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.
Nơi cư trú hiện nay: Tổ 02, phố c, phường Hợp G, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 01 năm 2024, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Chu Thị Minh T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Hoàng Văn Q kết hôn năm 2017 trên cơ sở tự nguyện, hôn nhân được tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới ở hai gia đình và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến ngày 01/10/2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng không cùng quan điểm sống, không hợp nhau, hay xảy ra mâu thuẫn hiện chị và anh Q đã sống ly thân

từ ngày 09/12/2023 đến nay. Chị T xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Q, yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Không có con chung.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Không có và không yêu cầu tòa án giải quyết.

- *Tại bản tự khai ngày 17/6/2024, bị đơn ông Hoàng Văn Q trình bày:* Tôi và bà Chu Thị Minh T kết hôn năm 2014, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Hiện tại tôi không nhất trí ly hôn vì lý do hiện tại vợ tôi đang ngoại tình.

Về con chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về Tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu tòa xử cho ly hôn với anh Q

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Chu Thị Minh T có quan hệ hôn nhân với anh Hoàng Văn Q, Nơi cư trú hiện nay: Tổ 02, phố c, phường Hợp G, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Nay chị T khởi kiện xin ly hôn với anh Q, nên quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp "Ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về tố tụng: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt, không hợp tác, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Chu Thị Minh T và anh Hoàng Văn Q kết hôn năm 2017 trên cơ sở tự nguyện, hôn nhân được tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới ở hai gia đình và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hợp Giang theo quy định của pháp luật là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng không cùng quan điểm sống, không hợp nhau, hay xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân từ ngày 09/12/2023 đến nay. Hiện chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Q và yêu cầu Tòa xử cho ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, anh Q tuy nhận được thông báo của Tòa về việc chị T xin ly hôn nhưng anh không hợp tác, không đến Tòa để hòa giải về đoàn tụ, không cung cấp tài liệu chứng cứ về việc chị T ngoại tình nên hôn nhân giữa chị T và anh Q được xác định đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn của chị T là có căn cứ và cần được chấp nhận.

[4] Về con chung: Không có con chung nên HĐXX không đặt vấn đề xem xét.

[5] Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị T xác nhận không có tài sản chung, vay nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt vấn đề xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 các Điều 28, 35, 39; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Chu Thị Minh T.

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố chị Chu Thị Minh T được ly hôn anh Hoàng Văn Q.

- Về án phí: Chị Chu Thị Minh T phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0000945 ngày 28/02/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Hoàng Kim Chi